

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **23/2020/HNGĐ-ST**

Ngày 30-6-2020

V/v ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU,  
TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Tạ Thị Hạ;

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần Hữu Thiện;

2. Bà Bùi Thị Hải Đường.

- T ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Quỳnh Như.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dương Minh Châu tham gia phiên tòa: Bà Lâm Phụng Tú, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số **79/2020/TLST-HNGĐ** ngày **17 tháng 02 năm 2020** về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **24/2020/QĐST-HNGĐ** ngày 28-5-2020 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** **Chị Nguyễn Thị H**, sinh năm 1976; địa chỉ: Ấp K, xã C, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin vắng mặt.

**2. Bị đơn:** Anh **Lê Văn N**, sinh năm 1983; địa chỉ: Ấp N1, xã C1, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn **chị Nguyễn Thị H** trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh N chung sống và kết hôn vào năm 2008, tự nguyện, không có tổ chức lễ cưới và đến năm 2014 có đăng ký kết hôn tại UBND xã C1, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng sống không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng Tòng xuyên gây gổ, cãi vã. Chị và anh N tính tình không hợp nhau, Tòng phát sinh mâu thuẫn không giải quyết được; anh N còn Tòng xuyên ghen tuông vô cớ, không lo làm ăn phụ chị nuôi con. Hai vợ chồng ly thân từ năm 2016 đến nay, chị thuê quán bán cà phê tại xã C không sống chung với anh N. Trong quá trình ly thân anh N cũng không có thiện chí muốn đoàn tụ. Nay chị xác định tình cảm không còn, hôn nhân không thể tiếp tục nên yêu cầu ly hôn với anh N

Về con chung : Có 01 con chung tên Lê Anh T, sinh năm 2014. Hiện con chung đang sống với chị, chị yêu cầu nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản riêng, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh Lê Văn N trình bày:*

Anh N không tham gia tố tụng nên không có lời trình bày.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, T ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa. Anh N đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do, chị H có đơn xin vắng mặt. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh N, chị H theo quy định tại Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H. Về con chung: Chị H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Anh T. Ghi nhận chị H không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản riêng, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Anh Lê Văn N đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh N theo quy định tại Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị H, anh N tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C1, huyện Dương Minh Châu. Chị H cho rằng quá trình hai bên chung sống Tổng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn ngày càng nhiều nên từ năm 2016 chị và anh N không còn chung sống với nhau cho đến nay.

Thấy rằng, chị H, anh N đã không còn chung sống và không còn quan tâm chăm sóc nhau từ năm 2016 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án anh N không có thiện chí tham gia tố tụng để tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

[3] Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Lê Anh T, sinh ngày 27-7-2014.

Hiện con chung đang sống cùng chị H. Chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung từ khi hai bên không còn chung sống đến nay, anh N cũng không tham gia tố tụng để trình bày ý kiến của anh về con chung. Do đó chấp nhận yêu

cầu nuôi con chung của chị H. Ghi nhận chị H không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản riêng, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Theo Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 26/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Chị H phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **Nguyễn Thị H** đối với anh Lê Văn N.

1.1. Chị **Nguyễn Thị H**, anh Lê Văn N chấm dứt quan hệ vợ chồng.

1.2. Về con chung: Có một con chung: Lê Anh T, sinh ngày 27-7- 2014.

Chị **Nguyễn Thị H** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lê Anh T. Ghi nhận chị **Nguyễn Thị H** không yêu cầu anh Lê Văn N cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Lê Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật, không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản riêng, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí:

2.1. Chị **Nguyễn Thị H** phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004192 ngày 14-02-2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh (đã nộp xong).

2.2. Anh Lê Văn N không phải chịu.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đối với các đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đương sự cư trú.

**Nơi nhận:**

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND tỉnh Tây Ninh,
- VKSND tỉnh Tây Ninh,
- VKSND Huyện DMC,
- Chi cục THA H.DMC,
- UBND xã C;
- Các đương sự.
- Lưu: Tập án, hồ sơ.

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
**(Đã ký)**

**TẠ THỊ HẠ**